

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

NGÀNH: THANH NHẠC

MÃ NGÀNH: 7210205

(Ban hành kèm theo Quyết định số 367/QĐ-NTT ngày 26 tháng 6 năm 2020 về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo của Hiệu trưởng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: Thanh nhạc
- Tên tiếng Anh: Vocal Music

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Loại hình đào tạo: Chính quy

4. Khóa học áp dụng: Khóa 2020

5. Thời gian đào tạo: 2020-2023

6. Tên văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân Thanh nhạc

7. Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

8. Đơn vị đào tạo

- + Khoa: Âm nhạc
- + Địa chỉ văn phòng: 298A Nguyễn Tất Thành, phường 14, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh
- + Điện thoại liên lạc: 19002039 – nội bộ 211

9. Các tiêu chí tuyển sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo:

Đối tượng tuyển sinh: Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hay tương đương, tốt nghiệp trung cấp âm nhạc hoặc có trình độ tương đương trung cấp âm nhạc.

Tiêu chí tuyển sinh, tổ hợp môn tuyển: Là người có năng khiếu âm nhạc, có giọng hát tốt, không mắc bệnh mãn tính về tai mũi họng, có ngoại hình phù hợp với biểu diễn trên sân khấu.

Tổ hợp xét tuyển: gồm có môn Văn + Kiến thức tổng hợp về âm nhạc + Chuyên môn (Hát).

10. Thông tin về các chứng nhận kiểm định

- Nhận chứng nhận chất lượng quốc tế QS 4 star của Tổ chức đánh giá chất lượng quốc tế QS (Anh Quốc) vào năm 2019;

- Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – ĐHQG TP.HCM công nhận Cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 03 tháng 05 năm 2017.

11. Các năng lực của sinh viên tốt nghiệp

- GA1: Khả năng hát đơn ca, hát bè.
- GA2: Năng lực phân tích tác phẩm.
- GA3: Khả năng tham gia giảng dạy.
- GA4: Năng lực dàn dựng và tổ chức các chương trình biểu diễn nghệ thuật chuyên và không chuyên.
- GA5: Khả năng sử dụng thành thạo một loại nhạc cụ.
- GA6: Khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm.
- GA7: Yêu nghề và năng lực phát triển nghề nghiệp.

12. Mục tiêu đào tạo

- PEO1: Chương trình đào tạo Thanh nhạc trình độ đại học nhằm đào tạo ra cử nhân Thanh nhạc có kiến thức, năng lực nghề nghiệp tương xứng với trình độ đại học.
- PEO2: Nâng cao kỹ năng biểu diễn nghệ thuật sau khi tốt nghiệp.
- PEO3: Mang lại giá trị của tri thức và sự giải trí lành mạnh.
- PEO4: Đào tạo nghệ sĩ chuyên nghiệp.

13. Kết quả học tập mong đợi/Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Sinh viên tốt nghiệp (SVTN) ngành **Thanh nhạc** có:

Kiến thức:

ELO1 (K1): Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành nghề.

ELO2 (K2): Có khả năng ghi nhớ, phân tích, lựa chọn và kết hợp nhiều thể loại âm nhạc.

ELO3 (K3): Phân loại và so sánh các tác phẩm âm nhạc.

ELO4 (K4): Có khả năng tổ chức và dàn dựng các buổi biểu diễn.

Kỹ năng

ELO5 (S1): Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.

ELO6 (S2): Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau.

ELO7 (S3): Hướng dẫn thực hành các kỹ năng sân khấu.

ELO8 (S4): Chọn lọc những thể loại âm nhạc để phù hợp với chất giọng, trình độ mỗi người.

ELO9 (S5): Nâng cao trình độ thưởng thức, sử dụng các phần mềm hỗ trợ trong quá trình thực hành.

Thái độ

ELO10 (A1): Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội.

ELO11 (A2): Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.

ELO12 (A3): Theo đuổi và biến ước mơ thành hiện thực.

ELO13 (A4): Tích cực tham gia các hoạt động xã hội cũng như nghệ thuật. Luôn tuân thủ chính sách pháp luật của nhà nước.

ELO14 (A5): Có trách nhiệm và tinh thần sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc.

ELO15 (A6): Thay đổi cách nhìn, quan điểm sống để phù hợp với hoàn cảnh.

14. Mối liên hệ giữa Năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp (Graduate Attributes -GAs) với Mục tiêu (Programme Educational Objectives – PEOs) và Kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo (Program Expected Learning Outcomes – ELOs)

14.1. Mối liên hệ giữa năng lực cần đạt của sinh viên tốt nghiệp với mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Năng lực cần đạt của SVTN (GAs)	Mục tiêu của CTĐT (PEOs)				Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)														
	PEO1	PEO2	PEO3	PEO4	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
GA1	✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓		✓		✓			✓	✓			✓
GA2		✓	✓		✓	✓	✓					✓							
GA3	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓		✓	✓		✓					
GA4	✓	✓					✓	✓			✓		✓		✓				
GA5		✓	✓	✓			✓			✓			✓		✓				
GA6	✓	✓		✓								✓		✓	✓		✓	✓	
GA7	✓	✓	✓						✓					✓	✓	✓	✓	✓	✓

14.2. Mối liên hệ giữa mục tiêu và kết quả học tập mong đợi của chương trình đào tạo

Mục tiêu của CTĐT (PEOs)	Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra của CTĐT (ELOs)														
	ELO1	ELO2	ELO3	ELO4	ELO5	ELO6	ELO7	ELO8	ELO9	ELO10	ELO11	ELO12	ELO13	ELO14	ELO15
PEO1	✓	✓	✓		✓	✓		✓		✓	✓	✓		✓	✓
PEO2				✓	✓		✓	✓			✓			✓	✓
PEO3		✓				✓			✓	✓	✓				
PEO4	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

14.3. Mối liên hệ của các học phần/môn học trong việc hình thành năng lực sinh viên tốt nghiệp

CÁC NĂNG LỰC NGHỀ CỦA SVTN	CÁC MÔN HỌC/ HỌC PHẦN/ MODULE		THỜI LƯỢNG	
	Tên	Số lượng môn	Số tín chỉ	Tỉ lệ (%) / tổng tín chỉ
GA1	Thanh nhạc gồm các phần 1,2,3,4,5,6,7,8 (16 tín chỉ)	3	26	18.98 %
	Hợp xướng 1,2,3 (6 tín chỉ)			
	Phát âm tiếng Ý, Pháp, Đức (4 tín chỉ)			
GA2	Phân tích tác phẩm gồm 2 phần 1&2 (4 tín chỉ)	2	4	2.92%
GA3	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành Âm nhạc (4 tín chỉ)	4	22	16.06%
	Ký xướng âm gồm các phần 1,2,3,4,5,6 (12 tín chỉ)			
	Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc (2 tín chỉ)			
	Phương pháp sư phạm Thanh nhạc gồm 2 phần 1 &2 (4 tín chỉ)			
GA4	Kỹ năng biểu diễn sân khấu gồm các phần 1,2,3,4,5,6 (vũ đạo)	1	12	8.76%
GA5	Piano 1,2,3,4 (8 tín chỉ)	2	14	10.22%
	Hòa âm 1,2 (4 tín chỉ)			
GA6	Âm nhạc truyền thống VN (4 tín chỉ)	2	8	5.84%
	Kỹ năng giao tiếp gồm 2 phần 1 & 2 (4 tín chỉ)			
GA7	Thực tập nghề nghiệp gồm (6 tín chỉ)	1	6	4.38%

15. Cấu trúc chương trình đào tạo

HP Đại cương - 15 TC

Bắt buộc:

1. Triết học Mác – Lê nin (3TC)
2. Kinh tế Chính trị Mác Lênin (2TC)
3. Chủ nghĩa XHKH (2TC)
4. Lịch sử ĐCSVN (2TC)
5. Tư tưởng HCM (2 TC)
6. Pháp luật đại cương (2 TC)
7. Đường lối văn hóa – văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam (2 TC)

HP Cơ sở ngành – 36 TC

Bắt buộc:

1. Anh văn chuyên ngành 1 (2 TC)
2. Anh văn chuyên ngành 2 (2 TC)
3. Tin học Chuyên ngành Âm nhạc (2 TC)
4. Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành âm nhạc (4 TC)
5. Lịch sử âm nhạc phương Tây 1 (2 TC)
6. Lịch sử âm nhạc phương Tây 2 (2 TC)
7. Lịch sử âm nhạc phương Tây 3 (2 TC)
8. Lịch sử âm nhạc Việt Nam (2 TC)
9. Âm nhạc truyền thống Việt Nam 1 (2 TC)
10. Âm nhạc truyền thống Việt Nam 2 (2 TC)
11. Ký xướng âm 1 (2 TC)
12. Hòa âm 1 (2 TC)

Tự chọn: 10 TC

1. Âm nhạc phương Đông 1 (2 TC)
2. Âm nhạc phương Đông 2 (2 TC)
3. Mỹ học Âm nhạc (2 TC)
4. Đại cương Nghệ thuật truyền thống Việt Nam (2 TC)
5. Các thể loại âm nhạc (2 TC)
6. Kỹ năng biểu diễn sân khấu 1 (vũ đạo) (2 TC)
7. Kỹ năng biểu diễn sân khấu 2 (vũ đạo) (2 TC)
8. Kỹ năng biểu diễn sân khấu 3 (vũ đạo) (2 TC)
9. Mỹ học đại cương (2 TC)
10. Lịch sử văn minh thế giới 1 (2 TC)
11. Lịch sử văn minh thế giới 2 (2 TC)
12. Nghệ thuật học đại cương (2 TC)

HP Chuyên ngành – 52 TC

Bắt buộc:

1. Ký xướng âm 2 (2 TC)
2. Ký xướng âm 3 (2 TC)
3. Ký xướng âm 4 (2 TC)
4. Thanh nhạc (chuyên ngành) 1 (2 TC)
5. Thanh nhạc (chuyên ngành) 2 (2 TC)
6. Thanh nhạc (chuyên ngành) 3 (2 TC)
7. Thanh nhạc (chuyên ngành) 4 (2 TC)
8. Thanh nhạc (chuyên ngành) 5 (2 TC)
9. Thanh nhạc (chuyên ngành) 6 (2 TC)
10. Thanh nhạc (chuyên ngành) 7 (2 TC)
11. Thanh nhạc (chuyên ngành) 8 (2 TC)
12. Piano 1 (2 TC)
13. Piano 2 (2 TC)
14. Hòa âm 2 (2 TC)
15. Lịch sử nghệ thuật Thanh nhạc (2 TC)
16. Phân tích âm nhạc 1 (2 TC)
17. Phân tích âm nhạc 2 (2 TC)
18. Hợp xướng 1 (2 TC)
19. Hợp xướng 2 (2 TC)
20. Phát âm tiếng Ý, Pháp, Đức HP 1 (2 TC)
21. Phát âm tiếng Ý, Pháp, Đức HP 1 (2 TC)
22. Kỹ thuật diễn viên (2 TC)

Tự chọn: 8 TC

1. Kỹ năng biểu diễn sân khấu 4 (vũ đạo) (2 TC)
2. Kỹ năng biểu diễn sân khấu 5 (vũ đạo) (2 TC)
3. Kỹ năng biểu diễn sân khấu 6 (vũ đạo) (2 TC)
4. Ký xướng âm 5 (2 TC)
5. Ký xướng âm 6 (2 TC)
6. Piano 3 (2 TC)
7. Piano 4 (2 TC)
8. Hợp xướng 3 (2 TC)
9. Phương pháp sư phạm Thanh nhạc 1 (2 TC)
10. Phương pháp sư phạm Thanh nhạc 2 (2 TC)
11. Múa dân gian (2 TC)

Môn tốt nghiệp – 8 TC

1. Thực tập nghề nghiệp (6 TC)
2. Chương trình tốt nghiệp chuyên ngành Thanh nhạc (2 TC)

HP điều kiện – 13 TC

1. Giáo dục thể chất (5TC)
2. Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8TC)

HP bổ trợ - 30 TC

Bắt buộc:

Ngoại ngữ:

1. Tiếng Anh tổng quát 1 (3TC)
2. Tiếng Anh tổng quát 2 (3TC)
3. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 1 (3TC)
4. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 2 (3TC)
5. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 3 (3TC)
6. Tiếng Anh giao tiếp quốc tế 4 (3TC)

Công nghệ Thông tin

1. Tin học Mos 1 (2 TC)

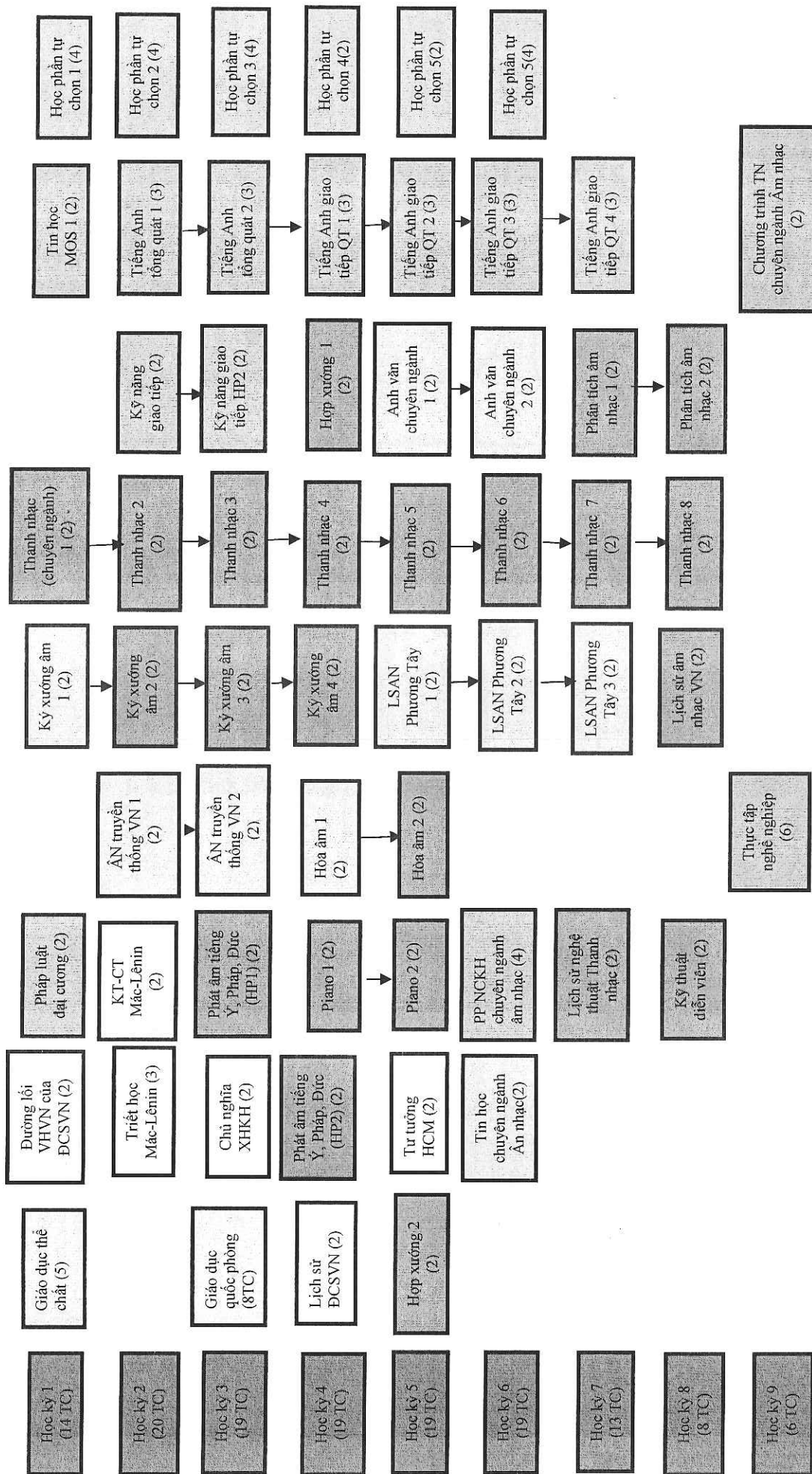
Kỹ năng

1. Kỹ năng giao tiếp (2 TC)
2. Kỹ năng giao tiếp (HP2) (2 TC)

Tự chọn: 21TC

1. Cơ sở văn hóa Việt Nam (2 TC)
2. Giáo dục học đại cương (2 TC)
3. Tâm lý học đại cương (2 TC)

16. Sơ đồ hóa Kế hoạch đào tạo



17. Đối sánh CTĐT của ngành đào tạo

17.1. Đối sánh Kết quả học tập mong đợi/ Chuẩn đầu ra

Đối sánh trong nước

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc của Trường CĐ Du lịch Sài Gòn	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Sài Gòn	Nhận xét
1	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành nghề.	Có các hiểu biết cơ bản về khoa học tự nhiên, lịch sử, văn hóa, xã hội và nhân văn.	Sinh viên cần tích lũy các kiến thức nền tảng cơ sở như Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Pháp luật đại cương, Tiếng Anh, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng – An ninh, Nghệ thuật học đại cương, Tin học Âm nhạc.	- Về kiến thức đại cương thì các trường đều học giống nhau như: Mác, Tư tưởng, Đường lối, thể chất, quốc phòng,... - Về chuyên ngành thì trường NTT chuyên về biểu diễn sân khấu nhiều hơn. Môn Kỹ năng biểu diễn sân khấu giúp sinh viên tự tin, bản lĩnh và làm chủ được sân khấu. Sau mỗi
2	Có khả năng ghi nhớ, phân tích, lựa chọn và kết hợp nhiều thể loại âm nhạc.	Nắm được kiến thức cơ về khoa học xã hội và nhân văn, trong đó đặc biệt là kiến thức cơ bản về lịch sử âm nhạc Việt Nam và thế giới, các hình thức âm nhạc khác nhau cũng như những hình thức nghệ thuật có	Sinh viên cần nắm vững kiến thức chính của ngành qua các môn học chuyên ngành như Nhạc cụ Organ, Piano, Thanh nhạc chuyên ngành, Lý luận âm nhạc, Chỉ huy hợp xướng, Lý thuyết âm nhạc cơ bản, Lịch sử âm nhạc thế giới, Múa,	

	liên quan.	Hình thể, Kỹ thuật hát hợp xướng, Lịch sử âm nhạc Việt Nam, Hát dân ca, Nhập môn sáng tác, Lịch sử Opera, Phân tích tác phẩm, Hòa thanh, Ký xướng âm, Kỹ thuật diễn viên, Kỹ thuật hóa trang, Nghệ thuật nói trước công chúng, Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp, Kiến thức Âm nhạc tổng hợp, Đọc tổng phổ hợp xướng, Phối hợp xướng, Thanh nhạc chuyên ngành nâng cao.	học kỳ đều tổ chức biểu diễn nhằm giúp sinh viên có khả năng dàn dựng các tiết mục nhỏ, học hỏi kinh nghiệm từ những GV chuyên nghiệp,... - Tỷ lệ giống nhau giữa các trường là khoảng 60% về kiến thức, kỹ năng và thái độ.
3	Phân loại và so sánh các tác phẩm âm nhạc.	Trang bị cho người học kiến thức hệ thống và chuyên sâu về thanh nhạc, đủ điều kiện để làm việc trong các cơ sở hoạt động văn hóa nghệ thuật, trước hết là các hoạt động âm nhạc.	Phân tích các tác phẩm dựa trên những kiến thức đã học như hòa âm, tone phù hợp với từng giọng hát, phối bè, chuyển thể,...
4	Có khả năng tổ chức và dàn dựng các buổi biểu diễn.	Áp dụng những kiến thức được học và thực tế biểu diễn của bản thân để tổ chức những hoạt	Biết tổ chức các hoạt động âm nhạc ở các trường, các cấp học. Dàn dựng chương trình nghệ thuật

		động âm nhạc vừa và nhỏ.	tổng hợp.	
5	Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.	Có kỹ năng nghề nghiệp, cung cấp những hiểu biết liên quan đến kỹ năng biểu diễn, kỹ năng tổ chức các hoạt động âm nhạc, cũng như có khả năng cảm thụ và đánh giá các sản phẩm âm nhạc truyền thống cũng như hiện đại.	Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.	
6	Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác nhau.	Có kỹ năng về giao tiếp và truyền thông, có kỹ năng làm việc nhóm.	Biết giao tiếp ứng xử với đồng nghiệp.	
7	Hướng dẫn thực hành các kỹ năng sân khấu.	Kỹ năng tổ chức các hoạt động âm nhạc.	Phương pháp dàn dựng chương trình tổng hợp. Phương pháp dàn dựng hợp xướng.	
8	Chọn lọc những thể loại âm nhạc để phù hợp với chất giọng, trình độ mỗi người.	Có khả năng cảm thụ và đánh giá các sản phẩm âm nhạc truyền thống cũng như hiện đại.	Thực hành hát đơn và hát tập thể. Hát các tác phẩm dân ca và romance, các tác phẩm truyền thống, trường ca và Aria nhỏ.	

9	Nâng cao trình độ thưởng thức, sử dụng các phần mềm hỗ trợ trong quá trình thực hành.	Có khả năng giao tiếp cơ bản và đọc hiểu tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh.	Ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng các thiết bị hiện đại.
10	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội.	Hiểu biết Hiến pháp, Pháp luật, quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	Có đạo đức, ý thức trách nhiệm, chấp hành tốt các chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước, có ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
11	Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.	Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.	Thực hiện nghĩa vụ công dân ở địa phương và các quy định ở nhà trường.
12	Theo đuổi và biến ước mơ thành hiện thực.	Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.	Có tinh thần cầu tiến. Có quan điểm, thái độ lao động khoa học, nghiêm túc.
13	Tích cực tham gia các hoạt động xã hội cũng như nghệ thuật. Luôn tuân thủ chính sách pháp luật của nhà nước.	Có ý thức tích cực, chủ động phòng ngừa vừa kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có đạo đức, lương tâm nghề	Có tinh thần đoàn kết, yêu mến học sinh. Đoàn kết, hợp tác giúp đỡ đồng nghiệp.

		nghiep, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp.		
14	Có trách nhiệm và tinh thần sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc.	Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.	Thường xuyên gắn dạy học với đời sống âm nhạc trong xã hội.	
15	Thay đổi cách nhìn, quan điểm sống để phù hợp với hoàn cảnh.	Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp.	Có quan điểm, thái độ lao động khoa học, nghiêm túc.	

Đối sánh quốc tế

TT	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Nghệ thuật âm nhạc của Trường ĐH Akron	KQHTMD Chương trình đào tạo ngành Âm nhạc của Trường ĐH Texas Rio	Nhận xét
1	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, công nghệ, văn hóa, chính trị, pháp luật, và sự hiểu biết về các vấn đề đương đại trong thực tế lĩnh vực ngành nghề.	Chương trình được thiết kế để giúp sinh viên tiếp thu kiến thức, kỹ năng và thái độ đóng góp cho sự hiểu biết của bản thân và thế giới. Phát huy hiệu quả trong việc đáp ứng các thách thức nghề nghiệp, đánh giá phạm vi	Có năng lực trong độc tấu âm nhạc và hòa tấu bao gồm nhiều phong cách và văn hóa nghệ thuật khác nhau.	- Trường nước ngoài học áp lực nhiều hơn (kiến thức và thời gian). Đặc biệt không giảng dạy những môn đại cương như

		và độ sâu của kiến thức và kinh nghiệm.		Mác, Tư tưởng, thể chất, quốc phòng,... - Về kiến thức chuyên ngành thì tỷ lệ giống nhau giữa các trường là khoảng 30%.
2	Có khả năng ghi nhớ, phân tích, lựa chọn và kết hợp nhiều thể loại âm nhạc.	Khả năng sáng tạo.	Có năng lực trong độc tấu âm nhạc và hòa tấu bao gồm nhiều phong cách và văn hóa nghệ thuật khác nhau.	
3	Phân loại và so sánh các tác phẩm âm nhạc.	Khả năng suy nghĩ phê phán, trừu tượng hóa, phân tích tổng hợp và đánh giá.	Khả năng áp dụng phân tích lý thuyết vào âm nhạc để tăng cường hiểu biết về phong cách và cấu trúc âm nhạc.	
4	Có khả năng tổ chức và dàn dựng các buổi biểu diễn.	Đánh giá cao kinh nghiệm nghệ thuật và biểu diễn.	Chứng minh được năng lực cũng như khả năng thực hành sân khấu của nghệ thuật học đại cương.	
5	Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết vấn đề.	Khả năng sáng tạo.	Hiểu và có thể áp dụng các khái niệm và ứng dụng thực hành trong âm nhạc và sự phạm.	
6	Giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh với nhiều phương thức khác	Hiểu biết về lịch sử và văn hóa.	Hiểu biết về bối cảnh lịch sử và văn hóa âm nhạc của các thời	

	nhau.			đại.	
7	Hướng dẫn thực hành các kỹ năng sân khấu.	Đánh giá cao kinh nghiệm nghệ thuật và biểu diễn.	Chứng minh được năng lực cũng như khả năng thực hành sân khấu của nghệ thuật học đại cương.		
8	Chọn lọc những thể loại âm nhạc để phù hợp với chất giọng, trình độ mỗi người.	Hiểu biết về văn hóa, lịch sử âm nhạc phương Tây.	Hiểu biết về bối cảnh lịch sử và văn hóa âm nhạc của các thời đại.		
9	Nâng cao trình độ thưởng thức, sử dụng các phần mềm hỗ trợ trong quá trình thực hành.	Nhận thức về ngôn ngữ và cách sử dụng.	Sử dụng công nghệ hiện đại trong quá trình thực hành âm nhạc, văn hóa, lịch sử và phân tích tác phẩm.		
10	Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm xã hội.	Hiểu biết về lịch sử và văn hóa.			
11	Thích ứng sự thay đổi trong nhiều bối cảnh, định hướng tương lai rõ ràng, thể hiện động cơ khởi nghiệp và học tập suốt đời.	Mong muốn khả năng học tập suốt đời.	Chứng minh được năng lực cũng như khả năng thực hành sân khấu của nghệ thuật học đại cương.		

12	Theo đuổi và biến ước mơ thành hiện thực.	Mong muốn khả năng học tập suốt đời.	Luôn học hỏi để hoàn thiện bản thân.
13	Tích cực tham gia các hoạt động xã hội cũng như nghệ thuật. Luôn tuân thủ chính sách pháp luật của nhà nước.	Hiểu biết các vấn đề về kinh tế, chính trị.	Hiểu và có thể áp dụng các khái niệm và ứng dụng thực hành trong âm nhạc và sự phạm
14	Có trách nhiệm và tinh thần sáng tạo trong quá trình thực hiện công việc.	Hiểu biết các vấn đề về kinh tế, chính trị.	Khả năng áp dụng phân tích lý thuyết vào âm nhạc để tăng cường hiểu biết về phong cách và cấu trúc âm nhạc.
15	Thay đổi cách nhìn, quan điểm sống để phù hợp với hoàn cảnh.	Khả năng suy nghĩ phê phán, trừu tượng hóa, phân tích tổng hợp và đánh giá.	Hiểu và có thể áp dụng các khái niệm và ứng dụng thực hành trong âm nhạc và sự phạm.

17.2. Đối sánh chương trình đào tạo

Đối sánh trong nước

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường CĐ Du lịch SG	CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Sài Gòn	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	137 tín chỉ/ 3 năm	97 tín chỉ/ 3 năm	132 tín chỉ/ 4 năm	Tỷ lệ giống nhau khoảng 60%
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)				
- Học phần đại cương	41 tín chỉ	17 tín chỉ	27 tín chỉ	Trường NTT chuyên về thực hành nhiều hơn (cuối mỗi học kỳ đều biểu diễn và báo cáo học vụ)
- Học phần cơ sở ngành	36 tín chỉ	23 tín chỉ	7 tín chỉ	Chuyên môn Thanh nhạc
- Học phần chuyên ngành	52 tín chỉ	45 tín chỉ	90 tín chỉ	được giảng dạy cá nhân (1 thầy – 1 trò)
- Học phần tốt nghiệp	8 tín chỉ	5 tín chỉ	8 tín chỉ	
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)				
Phương pháp giảng dạy/học tập	Tập trung			
Học phí	Không đối sánh			Theo chính sách học phí của từng trường
Các đối sánh khác (nếu có)	Không			

Đối sánh quốc tế

Nội dung đối sánh	CTĐT ngành Thanh nhạc của Trường ĐH Nguyễn Tất Thành	CTĐT ngành Âm nhạc của Trường CĐ Bulletin	CTĐT ngành Nghệ thuật Âm nhạc của Trường ĐH Uakron	Nhận xét
Tổng số tín chỉ	137 tín chỉ/ 3 năm	134 tín chỉ/ 4 năm	135 tín chỉ/4 năm	- Không chênh lệch nhiều về tổng số tín chỉ
Cấu trúc chương trình: (số lượng môn/tín chỉ)		Năm 1: 34 tín chỉ	Năm 1: 36 tín chỉ	
- Học phần đại cương	41 tín chỉ	Năm 2: 37 tín chỉ	Năm 2 : 31 tín chỉ	- Ở nước ngoài học trong 4 năm còn VN rút ngắn còn 3 năm.
- Học phần cơ sở ngành	36 tín chỉ	Năm 3: 35 tín chỉ	Năm 3: 36 tín chỉ	- Về nội dung chương trình thì giống nhau khoảng 30%
- Học phần chuyên ngành	52 tín chỉ	Năm 4: 28 tín chỉ	Năm 4 : 32 tín chỉ	
- Học phần tốt nghiệp	8 tín chỉ			
Các chuyên ngành hẹp của ngành đào tạo (nếu có)				
Phương pháp giảng dạy/học tập	Tập trung			
Học phí	Không đối sánh			
Các đối sánh khác (nếu có)	Không			
				Theo chính sách học phí của từng trường

18. Tầm nhìn và sứ mạng

Tầm nhìn và sứ mạng của Trường

❖ *Tầm nhìn:*

Đến năm 2020, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành sẽ trở thành một trường đại học ứng dụng và thực hành, đa ngành, đa bậc học, gắn với nhu cầu phát triển của địa phương và quốc gia, đạt chuẩn quốc gia, và có uy tín trong nước và khu vực.

❖ *Sứ mạng:*

Trường Đại học Nguyễn Tất Thành cam kết thúc đẩy sự phát triển về kinh tế, xã hội, văn hóa và môi trường của TP. HCM và Việt Nam thông qua các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng, xã hội dựa trên liên minh chiến lược gắn kết với các doanh nghiệp và các viện nghiên cứu nhằm tạo ra nguồn nhân lực có chất lượng, có sức cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong và ngoài nước.

Tầm nhìn và sứ mạng của Khoa Âm nhạc

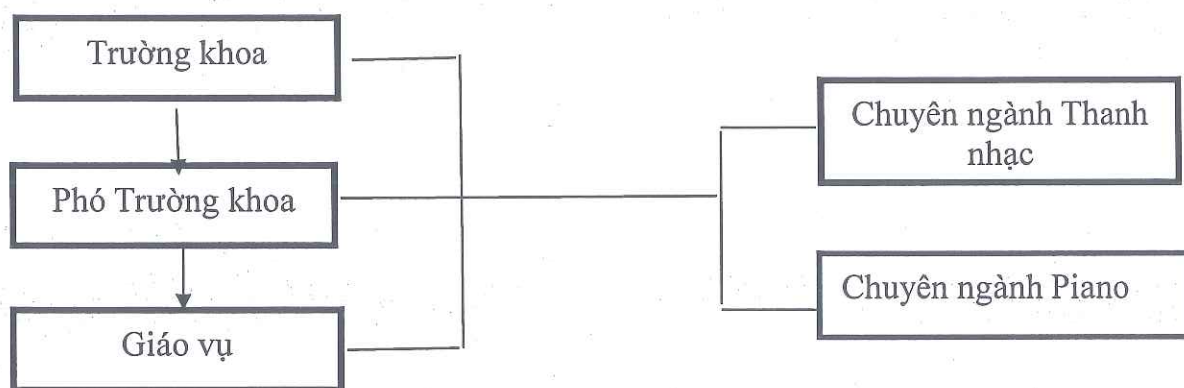
❖ *Tầm nhìn:*

Khoa Âm nhạc của Đại học Nguyễn Tất Thành phải phát triển và trở thành cơ sở đào tạo uy tín, chất lượng của khu vực phía Nam trong lĩnh vực Thanh nhạc nói riêng và ngành Âm nhạc nói chung Đào tạo những ca sĩ chuyên nghiệp để phục vụ đất nước và hội nhập quốc tế.

❖ *Sứ mạng:*

Khoa Âm nhạc phát triển định hướng theo chiến lược phát triển của trường Đại học Nguyễn Tất Thành là trở thành trường Đại học thực hành với phương châm đào tạo “Thực học, thực hành, thực danh và thực nghiệp”. Chính vì vậy quá trình đào tạo của khoa phải luôn “học đi đôi với hành” để kết quả khi Tốt nghiệp Đại học Nguyễn Tất Thành các ca sĩ, giảng viên tương lai đạt được yêu cầu của xã hội và có cơ hội việc làm đạt 99%.

19. Sơ đồ tổ chức Khoa



20. Thông tin liên hệ

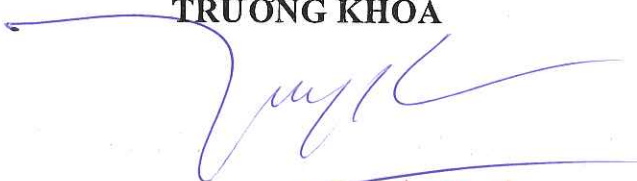
Khoa Âm nhạc – Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

- Địa chỉ: 298A Nguyễn Tất Thành, phường 13, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 19002039 – nội bộ 211
- Email: nthue@ntt.edu.vn
- Website: <http://khoaamnhac.ntt.edu.vn>

**21. Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh Bản mô tả chương trình đào tạo tiếp theo
Năm 2022**

 **HIỆU TRƯỞNG** *du*
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Ái Lâm

TRƯỞNG KHOA

ThS. Nguyễn Thị Anh Tuyết